

111. KINH BẮT ĐOẠN (*Anupada Sutta*)

93. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvattthi (Xá-vệ), tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), tinh xá ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc). Ở đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, Sāriputta là bậc Hiền trí (*Paṇḍita*); này các Tỷ-kheo, Sāriputta là bậc Đại tuệ;¹ này các Tỷ-kheo, Sāriputta là bậc Quảng tuệ;² này các Tỷ-kheo, Sāriputta là bậc Hỷ tuệ;³ này các Tỷ-kheo, Sāriputta là bậc Tiệp tuệ;⁴ này các Tỷ-kheo, Sāriputta là bậc Lợi tuệ;⁵ này các Tỷ-kheo, Sāriputta là bậc Quyết trạch tuệ.⁶ Này các Tỷ-kheo, cho đến nửa tháng, Sāriputta quán bất đoạn pháp.⁷ Này các Tỷ-kheo, đây là do bất đoạn pháp quán của Sāriputta.

94. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Sāriputta ly dục, ly bất thiện pháp, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tâm có tứ. Và những pháp thuộc về Thiền thứ nhất như tầm, tứ, hỷ, lạc, nhất tâm,⁸ và xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, dục, thắng giải, tinh tấn, niệm, xả, tác ý,⁹ các pháp ấy được an trú bất đoạn. Các pháp ấy được Sāriputta biết đến khi chúng khởi lên, được Sāriputta biết đến khi chúng an trú, được Sāriputta biết đến khi chúng đoạn diệt. Sāriputta biết rõ như sau: “Như vậy các pháp ấy, trước không có nơi ta, nay có hiện hữu, sau khi hiện hữu, chúng đoạn diệt.” Sāriputta đối với những pháp ấy

¹ *Mahāpaṇḍita*: Đại tuệ, tức là đối với Giới, Định, Tuệ, Giải thoát, Giải thoát tri kiến, Tứ đế, 37 phẩm trợ đạo, v.v...

² *Puthupaṇḍita* giống như *Mahāpaṇḍita*.

³ *Hāsupaṇḍita*, có nghĩa là hỷ lạc phát sinh khi thành tựu giới luật, hộ trì các căn, tiết độ trong ăn uống, v.v...

⁴ *Javanapaṇḍita*. Xem *S. V.* 376-77; *Ps. II.* 200. Trong *MA. IV.* 84 viết rằng vị ấy rất nhạy bén, biết rõ các uẩn là vô thường, khổ, vô ngã.

⁵ *Tikkhapaṇḍita*. Xem *M. I.* 11; *D. III.* 126; *A. I.* 45. Trong *MA. IV.* 85 giải thích rằng Tôn giả Sāriputta sớm đoạn trừ các kiết sử và đoạn trừ các bất thiện tâm như tham lam, sân hận, hoài nghi, v.v...

⁶ *Nibbedhikapaṇḍita*. Xem *Ps. II.* 201; *PED.* Các loại Tuệ này được nói đến trong *S. I.* 63; *J. IV.* 136. Xem *KS. I.* 88, n. 1.

⁷ Sāriputta chứng A-la-hán quả sau 2 tuần. Xem *MA. III.* 203 và *IV.* 86; *DA.* 418; *DhA. I.* 97.

⁸ Xem *Dhs. 7-11*, 84-8, 283-87, 371-75; *BPE.* 5-18.

⁹ Xem *Dhs. 2-6*, 278-82, 366-70.

cảm thấy không luyến ái,¹⁰ không chống đối, độc lập,¹¹ không trói buộc,¹² giải thoát,¹³ không hệ lụy,¹⁴ an trú với tâm không có hạn chế.¹⁵ Sāriputta biết: “Còn có sự giải thoát hơn thế nữa.¹⁶ Đối với Sāriputta, còn có nhiều việc phải làm hơn nữa.”

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Sāriputta diệt tầm và tứ, chứng đạt và an trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Và những pháp thuộc về Thiền thứ hai như nội tĩnh, hỷ, lạc, nhất tâm, và xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, dục, thắng giải, tinh tấn, niệm, xả, tác ý, những pháp ấy được an trú bất đoạn. Các pháp ấy được Sāriputta biết đến khi chúng khởi lên, được Sāriputta biết đến khi chúng an trú, được Sāriputta biết đến khi chúng đoạn diệt. Sāriputta biết rõ như sau: “Như vậy các pháp ấy, trước không có nơi ta, nay có hiện hữu, sau khi hiện hữu, chúng đoạn diệt.” Sāriputta đối với những pháp ấy không luyến ái, không chống đối, độc lập, không trói buộc, giải thoát, không hệ lụy, an trú với tâm không có hạn chế. Sāriputta biết: “Còn có sự giải thoát hơn thế nữa. Đối với Sāriputta, còn có nhiều việc phải làm hơn thế nữa.”

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Sāriputta ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và an trú Thiền thứ ba. Và những pháp thuộc về Thiền thứ ba như xả, lạc, niệm, tỉnh giác, nhất tâm, và xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, dục, thắng giải, tinh tấn, xả, tác ý, những pháp ấy được Sāriputta an trú bất đoạn. Các pháp ấy được Sāriputta biết đến khi chúng khởi lên, được Sāriputta biết đến khi chúng an trú, được Sāriputta biết đến khi chúng đoạn diệt. Sāriputta đối với những pháp ấy không luyến ái, không chống đối, độc lập, không trói buộc, giải thoát, không hệ lụy, an trú với tâm không có hạn chế. Sāriputta biết: “Còn có sự giải thoát hơn thế nữa. Đối với Sāriputta, còn có nhiều việc phải làm hơn thế nữa.”

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Sāriputta xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Và những pháp thuộc về Thiền thứ tư như xả bất khổ bất lạc thọ,¹⁷ vô quán niệm tâm,¹⁸ thanh tịnh nhờ niệm, nhất tâm, và xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, dục, thắng giải, tinh tấn, niệm, xả, tác ý, những pháp ấy được Sāriputta an trú bất đoạn. Các pháp ấy được Sāriputta biết đến khi chúng khởi lên, được Sāriputta biết đến khi chúng an trú, được Sāriputta biết đến khi chúng đoạn diệt. Sāriputta đối

¹⁰ *Anupāya*. Xem *M.* III. 30.

¹¹ *Anissita*: Không chấp trước vào kiến và ái. Xem *MA.* IV. 89.

¹² *Appatibaddha*: Đối với tham và dục.

¹³ *Vippamutta*: Giải thoát khỏi dục lạc.

¹⁴ *Visammutta*: Khỏi 4 ách của kiết sử. Xem *MA.* IV. 89.

¹⁵ *Vimariyāḍikatena cetasā*. Không có hạn chế vì những gì đã được đoạn trừ. Xem *S.* III. 31.

¹⁶ Xem *M.* I. 38; *MLS.* I. 48, n. 7. Đây không phải Niết-bàn mà chỉ cho sự chứng đắc kế tiếp.

¹⁷ *Upekkhā adukkhamasukkhā vedanā*.

¹⁸ *Cetaso anābhoga*: Sự thụ động của tư tưởng, thiếu sự chú tâm, chú ý. Xem *PC.* 221, n. 4 về *ābhoga*; *Vism.* 164 viết *cetaso ābhoga*, có mặt Thiền thứ ba, nhưng không có Thiền thứ tư.

với những pháp ấy không luyến ái, không chống đối, độc lập, không trói buộc, giải thoát, không hệ lụy, an trú với tâm không có hạn chế. Sāriputta biết: “Còn có sự giải thoát hơn thế nữa. Đối với Sāriputta, còn có nhiều việc phải làm hơn thế nữa.”

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Sāriputta vượt lên hoàn toàn sắc tướng, diệt trừ mọi chướng ngại tướng, không tác ý đối với dị tướng, nghĩ rằng: “Hư không là vô biên”, chứng và trú Không vô biên xứ. Và những pháp thuộc về Không vô biên xứ như hư không vô biên xứ tướng, nhất tâm, và xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, dục, thắng giải, tinh tấn, niệm, xả, tác ý, những pháp ấy được Sāriputta an trú bất đoạn. Các pháp ấy được Sāriputta biết đến khi chúng khởi lên, được Sāriputta biết đến khi chúng an trú, được Sāriputta biết đến khi chúng đoạn diệt. Sāriputta đối với những pháp ấy không luyến ái, không chống đối, độc lập, không trói buộc, giải thoát, không hệ lụy, an trú với tâm không có hạn chế. Sāriputta biết: “Còn có sự giải thoát hơn thế nữa. Đối với Sāriputta, còn có nhiều việc phải làm hơn thế nữa.”

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Sāriputta vượt lên hoàn toàn Không vô biên xứ, nghĩ rằng: “Thức là vô biên”, chứng và trú Thức vô biên xứ. Và những pháp thuộc về Thức vô biên xứ như thức vô biên xứ tướng, nhất tâm, và xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, dục, thắng giải, tinh tấn, niệm, xả, tác ý, những pháp ấy được Sāriputta an trú bất đoạn. Các pháp ấy được Sāriputta biết đến khi chúng khởi lên, được Sāriputta biết đến khi chúng an trú, được Sāriputta biết đến khi chúng đoạn diệt. Sāriputta đối với những pháp ấy không luyến ái, không chống đối, độc lập, không trói buộc, giải thoát, không hệ lụy, an trú với tâm không có hạn chế. Sāriputta biết: “Còn có sự giải thoát hơn thế nữa. Đối với Sāriputta, còn có nhiều việc phải làm hơn thế nữa.”

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Sāriputta vượt lên hoàn toàn Thức vô biên xứ, nghĩ rằng: “Không có vật gì”, chứng và trú Vô sở hữu xứ. Và những pháp thuộc về Vô sở hữu xứ như vô sở hữu xứ tướng, nhất tâm, và xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, dục, thắng giải, tinh tấn, niệm, xả, tác ý, những pháp ấy được Sāriputta an trú bất đoạn. Các pháp ấy được Sāriputta biết đến khi chúng khởi lên, được Sāriputta biết đến khi chúng an trú, được Sāriputta biết đến khi chúng đoạn diệt. Sāriputta đối với những pháp ấy không luyến ái, không chống đối, độc lập, không trói buộc, giải thoát, không hệ lụy, an trú với tâm không có hạn chế. Sāriputta biết: “Còn có sự giải thoát hơn thế nữa. Đối với Sāriputta, còn có nhiều việc phải làm hơn thế nữa.”

95. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Sāriputta vượt lên hoàn toàn Vô sở hữu xứ, chứng và trú Phi tướng phi phi tướng xứ. Với chánh niệm, Sāriputta xuất khỏi định ấy. Sau khi với chánh niệm xuất khỏi định ấy, Sāriputta thấy các pháp ấy thuộc về quá khứ, bị đoạn diệt, bị biến hoại: “Như vậy các pháp ấy trước không có nơi ta, nay có hiện hữu, sau khi hiện hữu, chúng đoạn diệt.” Sāriputta đối với những pháp ấy cảm thấy không luyến ái, không chống đối, độc lập, không

trói buộc, giải thoát, không hệ lụy, an trú với tâm không hạn chế. Sāriputta biết: “Còn có sự giải thoát hơn thế nữa. Đối với Sāriputta, còn có nhiều việc phải làm hơn thế nữa.”

96. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Sāriputta vượt khỏi hoàn toàn Phi tướng phi tướng xứ, chứng và an trú Diệt thọ tướng định. Sau khi thấy với trí tuệ, các lậu hoặc được đoạn tận. Với chánh niệm, Sāriputta xuất khỏi định ấy. Sau khi với chánh niệm xuất khỏi định ấy, Sāriputta thấy các pháp ấy thuộc về quá khứ, bị đoạn diệt, bị biến hoại: “Như vậy các pháp ấy, trước không có nơi ta, sau có hiện hữu, sau khi hiện hữu, chúng đoạn diệt.” Sāriputta đối với các pháp ấy cảm thấy không luyến ái, không chống đối, độc lập, không trói buộc, giải thoát, không hệ lụy, an trú với tâm không hạn chế. Sāriputta biết: “Không có sự giải thoát nào vô thượng hơn thế nữa. Đối với Sāriputta, không có việc phải làm nhiều hơn thế nữa.”

97. Này các Tỷ-kheo, nếu nói một cách chơn chánh, một người có thể nói về người ấy như sau: “Người này được tự tại, được cứu cánh (*pāramippatta*) trong Thánh giới; được tự tại, được cứu cánh trong Thánh định; được tự tại, được cứu cánh trong Thánh tuệ; được tự tại, được cứu cánh trong Thánh giải thoát.” Nói một cách chơn chánh về Sāriputta, người ấy có thể nói như sau: “Sāriputta được tự tại, được cứu cánh trong Thánh giới; được tự tại, được cứu cánh trong Thánh định; được tự tại, được cứu cánh trong Thánh tuệ; được tự tại, được cứu cánh trong Thánh giải thoát.”

Này các Tỷ-kheo, nếu nói một cách chơn chánh, một người có thể nói về người ấy như sau: “Người này là con chánh tông của Thế Tôn, sanh ra từ miệng, sanh ra từ Pháp, do Pháp hóa thành, thừa tự Chánh pháp, không thừa tự vật chất.” Nói một cách chơn chánh về Sāriputta, người ấy có thể nói như sau: “[Sāriputta] là con chánh tông của Thế Tôn, sanh ra từ miệng, sanh ra từ Pháp, do Pháp hóa thành, thừa tự Chánh pháp, không thừa tự vật chất.”

Sāriputta, này các Tỷ-kheo, chơn chánh chuyển pháp luân vô thượng đã được Như Lai chuyển vận.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, các vị Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.